

CÔNG TY CỔ PHẦN
SỢI THỂ KỸ
CENTURY SYNTHETIC FIBER
CORPORATION

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

Số/No: 289 -24/CV-CTTK

TP.HCM/Hochiminh city, ngày/date 28 tháng/month 08 năm/year 2024

CÔNG BỐ THÔNG TIN
TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA ỦY BAN
CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SỞ GIAO DỊCH
CHỨNG KHOÁN TP.HCM

INFORMATION DISCLOSURE
ON THE STATE SECURITIES
COMMISSION AND HOCHIMINH STOCK
EXCHANGE'S PORTAL

Kính gửi/To: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
The State Securities Commission
- Sở Giao dịch chứng khoán TP.HCM
Hochiminh Stock Exchange

- Tên tổ chức: Công ty cổ phần Sợi Thể Kỹ
Organization name: Century Synthetic Fiber Corporation
- Mã chứng khoán/Ticker: STK
- Địa chỉ trụ sở chính: Lô B1-1, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, Huyện Củ Chi, TP.HCM
Headquarter office: Lot B1-1, North West Cu Chi Industrial Zone, Cu Chi District, HCMC.
- Điện thoại/Tel.: (+84.276) 388 7565 Fax: (+84.276) 388 7566
- Người thực hiện công bố thông tin: Đặng Triệu Hòa - Chức vụ: Tổng giám đốc
Spokesman: Dang Trieu Hoa - Title: Managing Director
- Loại thông tin công bố/Type of information disclosure:
 định kỳ/periodic bất thường/irregular 24h/24 hours theo yêu cầu/on demand

Nội dung thông tin công bố/Contents of information disclosure:

1. Giải trình chênh lệch lợi nhuận 1H2024 so với cùng kỳ/ Explanation of profit differences 1H2024 year over year;
2. Giải trình chênh lệch lợi nhuận trước và sau kiểm toán 1H2024/ Explanation of profit differences before and after audit 1H2024;
3. Báo cáo tài chính hợp nhất soát xét 1H2024/ 1H2024 Interim Consolidated Financial Statements;
4. Báo cáo tài chính Công ty mẹ soát xét 1H2024/ 1H2024 Interim Separate Financial Statements.

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 28 /08/2024 tại đường dẫn: <https://theky.vn>

This information was published on the Company's website on 28 /08/2024 at the link: <https://theky.vn>

Tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố./

We hereby declare to be responsible for the accuracy and completeness of the above information.

Tài liệu đính kèm/Attachments

- Tài liệu liên quan đến việc CBTT.
Documents related to the information disclosure.

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC/ON BEHALF OF THE COMPANY
NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
LEGAL REPRESENTATIVE

TỔNG GIÁM ĐỐC/MANAGING DIRECTOR Ms. Chi



ĐẶNG TRIỆU HÒA



Số: 288./CV-CTTK

TP. HCM, ngày 28 tháng 08 năm 2024.

V/v: Giải trình biến động số liệu lợi
nhuận giữa 02 kỳ báo cáo.

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.
- Sở GD&ĐT TP. HCM (HOSE).

Công ty cổ phần Sợi Thế Kỳ giải trình biến động chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế kiểm toán Hợp nhất và Công ty Mẹ 6 tháng đầu năm 2024 so với chỉ tiêu kiểm toán năm 2023 cùng kỳ trên Báo cáo tài chính đã được Kiểm toán soát xét 28/08/2024 như sau:

a/ Công ty Mẹ:

Đơn vị tính: VNĐ

STT	Khoản mục	6 tháng đn 2024	6 tháng đn 2023	Tăng (+)/ Giảm (-)	
1	Doanh thu thuần	568.989.967.044	695.195.639.493	(126.205.672.449)	-18,2%
2	Lợi nhuận gộp	46.892.645.686	78.138.854.990	(31.246.209.411)	-40,0%
3	Lợi nhuận trước thuế	(14.083.184.579)	37.636.873.326	(51.720.057.905)	-137,4%
4	Lợi nhuận sau thuế	(14.943.614.066)	37.902.531.913	(52.846.145.979)	-139,4%

b/ Hợp nhất:

STT	Khoản mục	6 tháng đn 2024	6 tháng đn 2023	Tăng (+)/ Giảm (-)	
1	Doanh thu thuần	568.989.967.044	695.195.639.493	(126.205.672.449)	-18,2%
2	Lợi nhuận gộp	46.892.645.686	78.138.854.990	(31.246.209.304)	-40,0%
3	Lợi nhuận trước thuế	(54.152.459.658)	38.850.653.141	(93.003.112.799)	-239,4%
4	Lợi nhuận sau thuế	(55.012.889.145)	39.116.311.728	(94.129.200.873)	-240,6%

Nguyên nhân:

Trong kỳ, doanh thu thuần giảm 126.2 tỉ tương ứng giảm 18.2% và lợi nhuận gộp giảm 31.2 tỉ, tương ứng giảm 40% so với cùng kỳ do doanh số bán thấp hơn và chi phí liên quan đến ngừng máy nhiều hơn cùng kỳ. Lợi nhuận trước và sau thuế Công ty mẹ thấp hơn cùng kỳ lần lượt là 51.7 tỉ và 52.8 tỉ chủ yếu là giảm lợi nhuận gộp và thu nhập tài chính giảm, trong khi chênh lệch tỉ giá tăng so với cùng kỳ. Lợi nhuận trước và sau thuế Hợp nhất giảm so với cùng kỳ là 93 tỉ và 94 tỉ là do ảnh hưởng từ lợi nhuận của công ty mẹ được nêu ở trên và chênh lệch tỉ giá chưa thực hiện ở Công ty con làm ảnh hưởng.

Trân trọng cảm ơn và kính chào.

Nơi nhận:

- UBCKNN, HOSE;
- Website Công ty;
- Lưu văn phòng.



ĐẶNG TRIỆU HÒA
TỔNG GIÁM ĐỐC





Số: 287./CV-CTTK

TP. HCM. ngày 28... tháng 08 năm 2024.

V/v: Giải trình biến động số liệu lợi
nhuận trước và sau Soát xét.

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.
- Sở GDCK TP. HCM (HOSE).

Công ty cổ phần Sợi Thể Kỳ giải trình biến động 1 số chỉ tiêu lợi nhuận trên báo cáo tài chính Hợp nhất và Công ty Mẹ 6 tháng đầu năm 2024 so với Báo cáo tài chính đã được Kiểm toán soát xét 6 tháng đầu năm 2024 như sau:

a/ Hợp nhất:

Đơn vị tính: VNĐ

STT	Khoản mục	Công ty 6 tháng đến 2024	Soát xét 6 tháng đến 2024	Tăng (+)/ Giảm (-)	
1	Doanh thu thuần	568.989.967.044	568.989.967.044	-	0,0%
2	Lợi nhuận gộp	42.112.155.178	46.892.645.686	(4.780.490.508)	-10,2%
3	Lợi nhuận trước thuế	(14.083.184.579)	(14.083.184.579)	-	0,0%
4	Lợi nhuận sau thuế	(14.772.783.264)	(14.943.614.066)	170.830.802	-1,1%

b/ Công ty Mẹ:

STT	Khoản mục	Công ty 6 tháng đến 2024	Kiểm toán 6 tháng đến 2024	Tăng (+)/ Giảm (-)	
1	Doanh thu thuần	568.989.967.044	568.989.967.044	-	0,0%
2	Lợi nhuận gộp	42.112.155.178	46.892.645.686	(4.780.490.508)	-10,2%
3	Lợi nhuận trước thuế	(54.152.459.658)	(54.152.459.658)	-	0,0%
4	Lợi nhuận sau thuế	(54.842.058.343)	(55.012.889.145)	170.830.802	-0,3%

Nguyên nhân:

- Lợi nhuận gộp theo báo cáo soát xét tăng 4.78 tỉ đồng, tương ứng tăng 10,2% so với Báo cáo chưa soát xét do kiểm toán viên đã tách 1 phần chi phí ngừng máy (được ghi nhận trong giá vốn) vào chi phí khác¹. Thay đổi nêu trên không làm ảnh hưởng tới lợi nhuận trước thuế.
- Lỗ sau thuế theo báo cáo soát xét thấp hơn so với báo cáo chưa soát xét 170 triệu đồng, tương ứng giảm 0,3% do Kiểm toán phân loại lại thuế TNDN hiện hành.

Trân trọng cảm ơn và kính chào.

Nơi nhận:

- UBCKNN, HOSE;
- Website Công ty;
- Lưu văn phòng.



¹ Vui lòng xem Thuyết minh số 25 Báo cáo tài chính hợp nhất được soát xét.

DẶNG TRIỆU HÒA
TỔNG GIÁM ĐỐC



Công ty Cổ phần Sợi Thế Kỳ

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024



Công ty Cổ phần Sợi Thế Kỷ

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2
Báo cáo soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	3 - 4
Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ	8 - 9
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	10 - 33

11/03/2011

Công ty Cổ phần Sợi Thế Kỷ

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Sợi Thế Kỷ ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") số 0302018927 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 11 tháng 4 năm 2025, và các GCNĐKDN điều chỉnh.

Cổ phiếu của Công ty được đăng ký giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã giao dịch STK theo Quyết định số 410/QĐ-SGDHCM do Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 10 tháng 9 năm 2015.

Cổ phiếu của Công ty được chấp thuận niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã giao dịch STK theo Quyết định số 410/QĐ-SGDHCM do Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 10 tháng 9 năm 2015.

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất sợi tổng hợp và dệt kim.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Khu B1-1, Khu Công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Ngoài ra, Công ty có chi nhánh Trảng Bàng tại Đường số 8, Khu Công nghiệp Trảng Bàng, Thị xã Trảng Bàng, Tỉnh Tây Ninh, và một văn phòng đại diện tại 102-104-106 Bàu Cát, Phường 14, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Đặng Mỹ Linh	Chủ tịch
Ông Đặng Triệu Hòa	Phó Chủ tịch
Ông Đặng Hướng Cường	Thành viên
Bà Cao Thị Quế Anh	Thành viên
Ông Võ Quang Long	Thành viên
Ông Chen Che Jen	Thành viên độc lập
Ông Nguyễn Quốc Hương	Thành viên độc lập

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban Kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Tự Lực	Trưởng ban
Bà Hà Kiệt Trân	Thành viên
Bà Đinh Ngọc Hoa	Thành viên

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Đặng Triệu Hòa	Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Phương Chi	Giám đốc Phát triển Chiến lược
Ông Phan Như Bích	Giám đốc Tài chính

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này là Ông Đặng Triệu Hòa.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Sợi Thế Kỳ

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc của Công ty Cổ phần Sợi Thế Kỳ ("Công ty") trân trọng trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và công ty con ("Nhóm Công ty") cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho từng kỳ kế toán phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Nhóm Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ; và
- lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Nhóm Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Nhóm Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.



Thay mặt Ban Tổng Giám đốc: *Thị*

Đặng Triệu Hòa
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 28 tháng 8 năm 2024

Số tham chiếu: 11659174/67734722/LR-HN

BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Sợi Thép Kỳ

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm của Công ty Cổ phần Sợi Thép Kỳ ("Công ty") và công ty con (sau đây được gọi chung là "Nhóm Công ty") được lập ngày 28 tháng 8 năm 2024 và được trình bày từ trang 5 đến trang 33, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ vào ngày 30 tháng 6 năm 2024, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Ernest Young Chín Kang
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNDKHN kiểm toán
Số: 1891-2023-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 28 tháng 8 năm 2024

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		1.060.995.127.534	1.395.936.217.102
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	105.991.035.034	109.476.256.782
111	1. Tiền		7.440.003.445	5.989.452.153
112	2. Các khoản tương đương tiền		98.551.031.589	103.486.804.629
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		-	54.050.637.373
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		-	54.050.637.373
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		166.785.833.377	450.138.868.654
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5.1	72.462.262.853	91.305.667.931
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	5.2	90.262.348.014	354.529.855.008
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	6	3.471.000.000	3.471.000.000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	7	590.222.510	832.345.715
140	IV. Hàng tồn kho	8	507.509.912.603	615.023.248.456
141	1. Hàng tồn kho		514.505.896.147	621.333.490.652
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(6.995.983.544)	(6.310.242.196)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		280.708.346.520	167.247.205.837
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	13	1.808.254.999	2.793.026.285
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ	16	277.674.451.973	162.695.833.297
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	16	1.225.639.548	1.758.346.255
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		2.512.986.885.129	1.577.922.927.005
220	I. Tài sản cố định		607.017.153.033	642.368.814.999
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	607.017.153.033	642.368.814.999
222	Nguyên giá		2.102.729.585.813	2.092.008.447.857
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(1.495.712.432.780)	(1.449.639.632.858)
227	2. Tài sản cố định vô hình	10	-	-
228	Nguyên giá		14.385.298.205	14.385.298.205
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(14.385.298.205)	(14.385.298.205)
240	II. Tài sản dở dang dài hạn		1.761.299.719.715	783.102.433.377
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	11	1.761.299.719.715	783.102.433.377
250	III. Đầu tư tài chính dài hạn		13.800.000.000	13.800.000.000
253	1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	12	13.800.000.000	13.800.000.000
260	IV. Tài sản dài hạn khác		130.870.012.381	138.651.678.629
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	13	128.267.976.422	135.708.407.488
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	27.3	2.602.035.959	2.943.271.141
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		3.573.982.012.663	2.973.859.144.107

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		1.934.061.095.658	1.344.969.752.937
310	I. Nợ ngắn hạn		964.966.262.991	935.575.186.771
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	14	269.099.463.574	237.754.934.541
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	15	22.758.484.151	39.224.518.554
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16	1.532.681.426	2.970.767.020
314	4. Phải trả người lao động	16	18.894.014.568	25.610.480.880
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	17	6.846.711.623	7.954.740.536
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	18	5.752.061.469	5.203.790.319
320	7. Vay ngắn hạn	19	632.488.148.654	609.537.812.760
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	3.14	7.594.697.526	7.318.142.161
330	II. Nợ dài hạn		969.094.832.667	409.394.566.166
338	1. Vay dài hạn	19	968.790.429.584	409.136.361.334
342	2. Dự phòng phải trả dài hạn	3.12	304.403.083	258.204.832
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		1.639.920.917.005	1.628.889.391.170
410	I. Vốn chủ sở hữu	20.1	1.639.920.917.005	1.628.889.391.170
411	1. Vốn cổ phần		966.369.240.000	966.369.240.000
411	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		966.369.240.000	966.369.240.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		64.458.443.852	40.824.578.872
415	3. Cổ phiếu quỹ		-	(42.410.550.000)
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		1.219.011.000	1.219.011.000
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		607.874.222.153	662.887.111.298
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		662.887.111.298	575.087.778.611
421b	- (Lỗ) lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trong kỳ		(55.012.889.145)	87.799.332.687
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		3.573.982.012.663	2.973.859.144.107

Người lập
Nguyễn Thị Hồng Thắm

Kế toán trưởng
Phan Như Bích

Tổng Giám đốc
Đặng Triệu Hòa

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 28 tháng 8 năm 2024

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023
01	1. Doanh thu bán hàng	21.1	568.991.767.044	695.195.639.493
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	21.1	(1.800.000)	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng	21.1	568.989.967.044	695.195.639.493
11	4. Giá vốn hàng bán	26	(522.097.321.358)	(617.056.784.503)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng		46.892.645.686	78.138.854.990
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	21.2	14.199.839.258	21.108.929.371
22	7. Chi phí tài chính	22	(75.343.860.545)	(24.115.435.503)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(8.582.927.267)	(8.609.376.624)
25	8. Chi phí bán hàng	23, 26	(7.619.714.446)	(7.151.298.335)
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	24, 26	(27.631.772.926)	(30.708.780.326)
30	10. (Lỗ) lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		(49.502.862.973)	37.272.270.197
31	11. Thu nhập khác		135.129.318	1.626.402.208
32	12. Chi phí khác	25	(4.784.726.003)	(48.019.264)
40	13. (Lỗ) lợi nhuận khác		(4.649.596.685)	1.578.382.944
50	14. Tổng (lỗ) lợi nhuận kế toán trước thuế		(54.152.459.658)	38.850.653.141
51	15. (Chi phí) thu nhập thuế TNDN hiện hành	27.1	(519.194.305)	835.300.594
52	16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	27.3	(341.235.182)	(569.642.007)
60	17. (Lỗ) lợi nhuận thuần sau thuế TNDN		(55.012.889.145)	39.116.311.728
61	18. (Lỗ) lợi nhuận thuần sau thuế của cổ đông công ty mẹ		(55.012.889.145)	39.116.311.728
70	19. (Lỗ) lãi cơ bản trên cổ phiếu	29	(579)	416
71	20. (Lỗ) lãi suy giảm trên cổ phiếu	29	(579)	416

Người lập
Nguyễn Thị Hồng Thắm

Kế toán trưởng
Phan Như Bích

Tổng Giám đốc
Đặng Triệu Hòa

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 28 tháng 8 năm 2024

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023
01	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
	Tổng (lỗ) lợi nhuận kế toán trước thuế		(54.152.459.658)	38.850.653.141
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao	9	46.072.799.922	45.841.434.714
03	Dự phòng		685.741.348	662.610.196
04	Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		47.275.271.965	4.032.036.751
05	Lãi từ hoạt động đầu tư	21.2	(949.302.638)	(7.523.304.748)
06	Chi phí lãi vay	22	8.582.927.267	8.609.376.624
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		47.514.978.206	90.472.806.678
09	Giảm (tăng) các khoản phải thu		257.976.899.718	(86.971.904.130)
10	Giảm (tăng) hàng tồn kho		106.827.594.505	(38.122.714.181)
11	Tăng các khoản phải trả		11.491.212.641	68.110.492.924
12	Giảm (tăng) chi phí trả trước		8.425.202.352	(504.204.078)
14	Tiền lãi vay đã trả		(8.659.477.822)	(8.314.225.761)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		-	(59.110.914)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		423.576.409.600	24.611.140.538
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm và xây dựng tài sản cố định		(1.078.487.482.435)	(216.161.092.167)
23	Tiền chi mở tài khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn		-	(1.955.342.466)
24	Tiền thu hồi tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn		54.050.637.373	130.000.000.000
27	Tiền thu lãi tiền gửi		1.449.532.929	7.792.057.124
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(1.022.987.312.133)	(80.324.377.509)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	20	66.044.414.980	-
33	Tiền thu từ đi vay	19	1.575.771.587.062	475.251.985.946
34	Tiền trả nợ gốc vay	19	(1.045.918.253.018)	(426.010.388.404)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		595.897.749.024	49.241.597.542
50	Lưu chuyển tiền và tương đương tiền thuần trong kỳ		(3.513.153.509)	(6.471.639.429)
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		109.476.256.782	235.284.187.347
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		27.931.761	(827.331.832)
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	4	105.991.035.034	227.985.216.086

Người lập
Nguyễn Thị Hồng Thắm

Kế toán trưởng
Phan Như Bích

Tổng Giám đốc
Đặng Triệu Hòa



Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 28 tháng 8 năm 2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN CÔNG TY

Công ty Cổ phần Sợi Thế Kỷ ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") số 0302018927 do Sở Kế hoạch và Đầu tư ("SKHĐT") Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 11 tháng 4 năm 2025, và các GCNĐKDN điều chỉnh.

Cổ phiếu của Công ty được đăng ký giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã giao dịch STK theo Quyết định số 410/QĐ-SGDHCM do Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 10 tháng 9 năm 2015.

Cổ phiếu của Công ty được chấp thuận niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã giao dịch STK theo Quyết định số 410/QĐ-SGDHCM do Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 10 tháng 9 năm 2015.

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất sợi tổng hợp và dệt kim.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Khu B1-1, Khu Công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Ngoài ra, Công ty có chi nhánh Trảng Bàng tại Đường số 8, Khu Công nghiệp Trảng Bàng, Thị xã Trảng Bàng, Tỉnh Tây Ninh, và một văn phòng đại diện tại 102-104-106 Bàu Cát, Phường 14, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty và công ty con ("Nhóm Công ty") vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 là 810 (ngày 31 tháng 12 năm 2023: 891).

Cơ cấu tổ chức

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2024, Công ty có một công ty con như sau:

Công ty TNHH Sợi, Dệt Nhuộm Unitex ("Unitex") là một công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận Đầu tư số 452033000336 do Ban Quản lý Khu Kinh tế tỉnh Tây Ninh cấp lần đầu ngày 29 tháng 6 năm 2015 và GCNĐKND số 3901206611 do SKHĐT Tỉnh Tây Ninh cấp ngày 29 tháng 6 năm 2015, và các GCNĐKDN điều chỉnh sau đó.

Hoạt động kinh doanh chính của Unitex là sản xuất xơ sợi, vải thành phẩm. Unitex có trụ sở chính tọa lạc tại lô A17.1, Đường C1, Khu Công nghiệp Thành Thành Công, Phường An Hòa, Thị xã Trảng Bàng, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam.

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2024, Công ty nắm giữ 100% quyền sở hữu và quyền biểu quyết tại Unitex.

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và công ty con ("Nhóm Công ty") được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 27 - Báo cáo tài chính giữa niên độ và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng (tiếp theo)

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Nhóm Công ty là Nhật ký chung.

2.3 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Nhóm Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty là VND.

2.5 Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm các báo cáo tài chính của công ty mẹ và công ty con cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024.

Công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Nhóm Công ty nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Nhóm Công ty chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Các báo cáo tài chính giữa niên độ của công ty mẹ và công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ giữa các đơn vị trong cùng Nhóm Công ty, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

Ảnh hưởng do các thay đổi trong tỷ lệ sở hữu công ty con mà không làm mất quyền kiểm soát được hạch toán vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến (bao gồm chi phí nguyên vật liệu, chi phí lao động trực tiếp, chi phí liên quan trực tiếp khác, chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường) để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.2 Hàng tồn kho (tiếp theo)

Nhóm Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

- | | |
|-----------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Nguyên vật liệu | - Chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền. |
| Thành phẩm | - giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường theo phương pháp bình quân gia quyền. |

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời, v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm thuộc quyền sở hữu của Nhóm Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ. Khi hàng tồn kho bị hủy bỏ do hết hạn sử dụng, mất phẩm chất, hư hỏng, không còn giá trị sử dụng, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã trích lập và giá gốc hàng tồn kho được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Nhóm Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ. Khi các khoản nợ phải thu khó đòi được xác định là không thể thu hồi được và kế toán thực hiện xóa nợ, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng nợ phải thu khó đòi và giá gốc nợ phải thu được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa thu tiền thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

3.5 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa thu tiền thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.6 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà xưởng, vật kiến trúc	4 - 25 năm
Máy móc, thiết bị	2 - 15 năm
Phương tiện vận tải	4 - 10 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 5 năm
Phần mềm máy vi tính	4 - 5 năm

3.7 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Nhóm Công ty được hạch toán như chi phí phát sinh trong kỳ.

3.8 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ:

- ▶ Chi phí trả trước về thuê cơ sở hạ tầng; và
- ▶ Công cụ dụng cụ xuất dùng trong nhiều kỳ với giá trị lớn.

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước bao gồm số dư chưa phân bổ hết của khoản tiền thuê đất đã trả theo hợp đồng thuê đất ký với Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghiệp - Thương mại Củ Chi vào ngày 3 tháng 7 năm 2000 trong thời hạn 50 năm và Công ty Phát triển Hạ tầng Khu Công nghiệp Tây Ninh vào ngày 21 tháng 7 năm 2009 trong thời hạn 45 năm và vào ngày 31 tháng 10 năm 2017 trong thời hạn 36 năm và Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Thành Thành Công vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 trong 43 năm.

Theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 25 tháng 4 năm 2013, khoản tiền thuê đất trả trước nói trên được ghi nhận như chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào chi phí trong thời gian còn lại của hợp đồng thuê.

3.9 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang thể hiện các chi phí liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng để hình thành tài sản nhưng chưa được đưa vào sử dụng tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

3.10 Các khoản đầu tư

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.11 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được mà không phụ thuộc vào việc Nhóm Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.12 Trợ cấp thôi việc phải trả

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho người lao động đã làm việc thường xuyên từ đủ 12 tháng trở lên tại Nhóm Công ty. Mức trích lập được tính bằng một nửa tháng lương cho mỗi năm làm việc đủ điều kiện hưởng trợ cấp thôi việc theo Luật lao động và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng dùng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi kỳ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Tăng hoặc giảm trong khoản trích trước này ngoại trừ phần thanh toán thực tế cho người lao động sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

Khoản trợ cấp thôi việc trích trước này được sử dụng để trả trợ cấp thôi việc cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động theo Điều 46 của Bộ luật Lao động.

3.13 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Nhóm Công ty áp dụng hướng dẫn tại Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 sửa đổi bổ sung một số điều tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 liên quan đến việc hạch toán các nghiệp vụ bằng ngoại tệ.

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ trong kế toán của Nhóm Công ty được hạch toán theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch ("tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình"). Tỷ giá xấp xỉ này có chênh lệch không vượt quá +/-1% so với tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình. Tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình được xác định hàng ngày trên cơ sở trung bình cộng giữa tỷ giá mua và tỷ giá bán chuyển khoản hàng ngày của ngân hàng thương mại.

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá mua chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

3.14 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông của Công ty khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Nhóm Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Nhóm Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Nhóm Công ty.

Quỹ khen thưởng và phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.15 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Nhóm Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với việc chuyển giao hàng hóa.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

3.16 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc thu nhập chịu thuế (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi Nhóm Công ty có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có thu nhập chịu thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc thu nhập chịu thuế (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh, tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có thu nhập chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.16 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ thu nhập chịu thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ thu nhập chịu thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- ▶ đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- ▶ Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.17 Lãi (lỗ) trên cổ phiếu

Lãi (lỗ) cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi (lỗ) suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

3.18 Báo cáo bộ phận

Hoạt động chính của Nhóm Công ty trong kỳ hiện tại là sản xuất sợi tổng hợp và dệt kim. Đồng thời, hoạt động sản xuất kinh doanh của Nhóm Công ty chủ yếu được thực hiện trong lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Nhóm Công ty không bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm mà Nhóm Công ty sản xuất ra hoặc do Nhóm Công ty hoạt động tại nhiều khu vực địa lý khác nhau. Do đó, Ban Tổng Giám đốc nhận định là Nhóm Công ty chỉ có một bộ phận theo hoạt động kinh doanh và khu vực địa lý. Theo đó, Nhóm Công ty không cần phải trình bày thông tin theo bộ phận.

3.19 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Nhóm Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Nhóm Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Tiền mặt	14.168.150	4.587.230
Tiền gửi ngân hàng	7.425.835.295	5.984.864.923
Tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng (*)	98.551.031.589	103.486.804.629
TỔNG CỘNG	105.991.035.034	109.476.256.782

(*) Đây là các khoản tiền gửi tại các ngân hàng thương mại có thời hạn gốc không quá ba (3) tháng và hưởng lãi suất thị trường.

5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

5.1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Công ty TNHH Coats Phong Phú	30.737.489.393	30.329.992.959
Chori Osaka Ltd Ptd	8.605.786.281	13.683.713.805
Công ty TNHH Dệt nhuộm Nam Phương	8.413.669.000	17.000.354.250
Khác	24.705.318.179	30.291.606.917
TỔNG CỘNG	72.462.262.853	91.305.667.931

5.2. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Công ty TNHH MTV Tăng Nghị Lực	24.048.361.500	-
Billion Success International Co.,Ltd	15.911.251.381	-
Uni Industrial and Investment Corporation	14.672.244.979	-
Công ty Cổ phần thiết kế và Xây dựng Giza Việt Nam	-	298.016.528.971
Khác	35.630.490.154	56.513.326.037
TỔNG CỘNG	90.262.348.014	354.529.855.008

6. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Công ty TNHH Dintsun Việt Nam ("Dintsun")	3.471.000.000	3.471.000.000

Số dư thể hiện cho Dintsun vay không lãi theo Biên bản Thỏa thuận Góp vốn Đầu tư số DTVN – 2019001 ký ngày 12 tháng 12 năm 2019 và phụ lục mới nhất ký ngày 28 tháng 6 năm 2024 để bổ sung vốn đầu tư dự án Khu Công nghiệp Sóc Trăng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

7. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Bảo hiểm xã hội	252.171.385	4.263.300
Lãi tiền gửi	4.166.324	504.397.615
Khác	333.884.801	323.684.800
TỔNG CỘNG	590.222.510	832.345.715

8. HÀNG TỒN KHO

	VND			
	Ngày 30 tháng 6 năm 2024		Ngày 31 tháng 12 năm 2023	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Thành phẩm	350.251.558.948	(2.286.810.996)	447.284.438.381	(2.458.780.034)
Nguyên vật liệu	159.635.777.261	(4.709.172.548)	149.533.927.024	(3.851.462.162)
Hàng mua đang đi trên đường	4.618.559.938	-	24.515.125.247	-
TỔNG CỘNG	514.505.896.147	(6.995.983.544)	621.333.490.652	(6.310.242.196)

Chi tiết tình hình tăng (giảm) dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023
Vào ngày 1 tháng 1	6.310.242.196	6.545.810.728
Cộng: Trích lập dự phòng trong kỳ	867.632.281	4.569.664.212
Trừ: Hoàn nhập dự phòng	(181.890.933)	(3.907.054.016)
Vào ngày 30 tháng 6	6.995.983.544	7.208.420.924

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà xưởng, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tổng cộng
					VND
Nguyên giá:					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023	304.608.626.458	1.593.749.105.162	188.858.990.157	4.791.726.080	2.092.008.447.857
Đầu tư XDCB hoàn thành	-	8.718.461.792	2.002.676.164	-	10.721.137.956
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2024	304.608.626.458	1.602.467.566.954	190.861.666.321	4.791.726.080	2.102.729.585.813
Trong đó:					
Đã khấu hao lũy kế:					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023	88.291.213.410	592.516.250.722	105.416.508.786	4.791.726.080	791.015.698.998
Khấu hao trong kỳ	169.194.257.479	1.106.204.118.331	169.449.530.968	4.791.726.080	1.449.639.632.858
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2024	7.779.178.130	27.956.701.132	10.336.920.660	-	46.072.799.922
	176.973.435.609	1.134.160.819.463	179.786.451.628	4.791.726.080	1.495.712.432.780
Giá trị còn lại:					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023	135.414.368.979	487.544.986.831	19.409.459.189	-	642.368.814.999
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2024	127.635.190.849	468.306.747.491	11.075.214.693	-	607.017.153.033

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	<i>VND</i> <i>Phần mềm máy vi tính</i>
Nguyên giá:	
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và ngày 30 tháng 6 năm 2024	<u>14.385.298.205</u>
<i>Trong đó:</i>	
<i>Đã hao mòn hết</i>	14.385.298.205
Giá trị hao mòn lũy kế:	
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và ngày 30 tháng 6 năm 2024	<u>14.385.298.205</u>
Giá trị còn lại:	
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và ngày 30 tháng 6 năm 2023	<u>-</u>

11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	<i>VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2024</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2023</i>
Dự án nhà máy Unitex (*)	1.746.508.531.648	757.817.607.354
Máy móc và thiết bị chờ lắp đặt	14.729.519.423	25.223.157.379
Khác	61.668.644	61.668.644
TỔNG CỘNG	<u>1.761.299.719.715</u>	<u>783.102.433.377</u>

(*) Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, dự án nhà máy Unitex thuộc sở hữu của Công ty TNHH Sợi, Dệt Nhuộm Unitex đang được dùng làm khoản thế chấp đi vay ngân hàng (*Thuyết minh số 19*).

12. ĐẦU TƯ GÓP VỐN VÀO ĐƠN VỊ KHÁC

	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2024</i>		<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2023</i>	
	<i>Tỷ lệ sở hữu</i>	<i>Giá gốc</i>	<i>Tỷ lệ sở hữu</i>	<i>Giá gốc</i>
	<i>(%)</i>	<i>VND</i>	<i>(%)</i>	<i>VND</i>
Công ty TNHH Dintsun Việt Nam ("Dintsun") (*)	5	<u>13.800.000.000</u>	5	<u>13.800.000.000</u>

(*) Dintsun là một công ty trách nhiệm hữu hạn được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 2200764052 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 29 tháng 5 năm 2019. Hoạt động chính của Dintsun là đầu tư kinh doanh kết cấu hạ tầng. Dintsun có trụ sở chính đăng ký tại Ấp Xây Đá B, Xã Hồ Đắc Kiện, Huyện Châu Thành, Tỉnh Sóc Trăng, Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

13. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Ngắn hạn	1.808.254.999	2.793.026.285
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	1.377.716.800	489.317.732
Tiền thuê xe trả trước	80.000.000	320.000.000
Chi phí bảo hiểm	51.124.991	1.904.838.455
Khác	299.413.208	78.870.098
Dài hạn	128.267.976.422	135.708.407.488
Tiền thuê đất trả trước (*)	111.086.554.521	111.709.374.794
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	14.648.322.752	20.748.154.809
Khác	2.533.099.149	3.250.877.885
TỔNG CỘNG	<u>130.076.231.421</u>	<u>138.501.433.773</u>

(*) Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, một phần tiền thuê đất trả trước với giá trị còn lại là 78.035.144.535 VND của thửa đất số 30, tờ bản đồ số 69, Khu công nghiệp Thành Thành Công, Xã Hòa An, Huyện Trảng Bàng, Tỉnh Tây Ninh với diện tích 100.183,13 m2 thuộc sở hữu của Công ty TNHH Sợi, Dệt Nhuộm Unitex đang được dùng làm khoản thế chấp đi vay ngân hàng (Thuyết minh số 19).

14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Unifi Textile (Suzhou) Co., Ltd.	124.714.710.754	117.400.338.000
Chori Co., Ltd.	49.697.904.000	62.895.417.000
Công ty Cổ phần thiết kế và Xây dựng Giza Việt Nam	30.769.980.012	-
Khác	63.916.868.808	57.459.179.541
TỔNG CỘNG	<u>269.099.463.574</u>	<u>237.754.934.541</u>

15. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Lear Corporation - Kenansville	17.004.169.319	29.140.194.914
Chori Vietnam Co., Ltd.	1.336.464.162	2.089.870.242
Khác	4.417.850.670	7.994.453.398
TỔNG CỘNG	<u>22.758.484.151</u>	<u>39.224.518.554</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

16. THUẾ

				VND
	Ngày 31 tháng 12 năm 2023	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Ngày 30 tháng 6 năm 2024
Phải trả				
Thuế thu nhập cá nhân	297.680.446	947.017.443	(1.035.839.389)	208.858.500
Thuế giá trị gia tăng	2.501.784.369	84.273.458.135	(85.485.617.314)	1.289.625.190
Khác	171.302.205	990.740.216	(1.127.844.685)	34.197.736
TỔNG CỘNG	2.970.767.020	86.211.215.794	(87.649.301.388)	1.532.681.426
Phải thu				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.642.819.105	-	(519.194.225)	1.123.624.880
Thuế xuất, nhập khẩu	114.423.926	52.000.481	(64.409.739)	102.014.668
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	162.695.833.297	163.963.716.535	(48.985.097.859)	277.674.451.973
Khác	1.103.224	380.254.624	(381.357.848)	-
TỔNG CỘNG	164.454.179.552	164.395.971.640	(49.950.059.671)	278.900.091.521

17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Chi phí tiện ích	4.631.561.207	6.733.250.971
Chi phí hoa hồng bán hàng	1.935.867.945	865.656.539
Chi phí lãi vay	279.282.471	355.833.026
TỔNG CỘNG	6.846.711.623	7.954.740.536

18. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Kinh phí công đoàn	3.039.913.649	2.326.315.136
Bảo hiểm xã hội	340.390.657	458.994.129
Cổ tức	327.500.530	327.500.530
Khác	2.044.256.633	2.090.980.524
TỔNG CỘNG	5.752.061.469	5.203.790.319

Công ty Cổ phần Sợi Thép Kỳ

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

19. VAY

	Số phát sinh trong kỳ		Đánh giá lại chênh lệch tỷ giá hối đoái	Phân loại lại	Ngày 30 tháng 6 năm 2024
	Tăng	Giảm			
Ngắn hạn	609.537.812.760	874.105.913.060 (1.045.918.253.018)	19.006.007.295	175.756.668.557	632.488.148.654
Vay ngân hàng (Thuyết minh số 19.1)	440.977.812.760	874.105.913.060 (1.045.918.253.018)	10.795.007.295	-	279.960.480.097
Nợ dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 19.2)	168.560.000.000	-	8.211.000.000	175.756.668.557	352.527.668.557
Dài hạn	409.136.361.334	701.665.674.002	-	(175.756.668.557)	968.790.429.584
Vay ngân hàng (Thuyết minh số 19.2)	409.136.361.334	701.665.674.002	-	(175.756.668.557)	968.790.429.584
TỔNG CỘNG	1.018.674.174.094	1.575.771.587.062 (1.045.918.253.018)	52.751.070.100	-	1.601.278.578.238

19.1 Vay ngắn hạn ngân hàng

Nhóm Công ty thực hiện các khoản vay từ các ngân hàng để tài trợ nhu cầu vốn lưu động và xây dựng nhà máy sợi, dệt nhuộm Unitex, chịu lãi suất dao động Libor + 4%/năm (đối với dư nợ ngoại tệ) và dao động từ 3,5%/năm đến 6%/năm (đối với dư nợ VND). Chi tiết được trình bày như sau:

Ngân hàng	Ngày 30 tháng 6 năm 2024		Kỳ hạn trả gốc	Mục đích vay	Hình thức đảm bảo
	VND	USD			
Ngân hàng TNHH CTBC	352.527.668.557	13.959.833	Từ ngày 30 tháng 9 năm 2024 đến ngày 30 tháng 6 năm 2025	Xây dựng nhà máy sợi, dệt nhuộm Unitex	Nhà máy và quyền thuê đất Unitex
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh Hồ Chí Minh	186.082.040.346	-	Từ ngày 4 tháng 9 năm 2024 đến ngày 24 tháng 12 năm 2024	Tài trợ vốn lưu động	Tin chấp
Ngân hàng TNHH CTBC – Chi nhánh Hồ Chí Minh	13.131.369.004	-	Từ ngày 18 tháng 7 năm 2024 đến ngày 29 tháng 8 năm 2024	Tài trợ vốn lưu động	Tin chấp
Ngân hàng Xuất Nhập khẩu Việt Nam – Chi nhánh Hồ Chí Minh	73.502.244.695	2.910.634	Từ ngày 2 tháng 7 năm 2024 đến ngày 28 tháng 12 năm 2024	Tài trợ vốn lưu động	Tin chấp

Công ty Cổ phần Sợi Thế Kỳ

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

19. VAY (tiếp theo)

19.1 Vay ngắn hạn ngân hàng (tiếp theo)

Nhóm Công ty thực hiện các khoản vay từ các ngân hàng để tài trợ nhu cầu vốn lưu động và xây dựng nhà máy sợi, dệt nhuộm Unitex, chịu lãi suất dao động Libor + 4% /năm (đối với dư nợ ngoại tệ) và dao động từ 3,5%/năm đến 6%/năm (đối với dư nợ VND). Chi tiết được trình bày như sau: (tiếp theo)

Ngân hàng	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Nguyên tệ	USD	Kỳ hạn trả gốc	Mục đích vay	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng Xuất Nhập khẩu Việt Nam – Chi nhánh Hồ Chí Minh	7.244.826.052	-	-	Từ ngày 17 tháng 11 năm 2024 đến ngày 28 tháng 12 năm 2024	Tài trợ vốn lưu động	Tín chấp
TỔNG CỘNG	632.488.148.654	16.870.467				

19.2 Vay dài hạn ngân hàng

Ngân hàng	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Nguyên tệ	USD	Kỳ hạn trả gốc	Mục đích vay	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng TNHH CTBC (*)	1.321.318.098.141	52.323.213		Từ ngày 30 tháng 9 năm 2025 đến ngày 17 tháng 1 năm 2028	Xây dựng nhà máy sợi, dệt nhuộm Unitex	Nhà máy và quyền thuê đất

Trong đó:

Vay dài hạn đến hạn trả
Vay dài hạn

352.527.668.557 13.959.833
968.790.429.584 38.363.380

(*) Ngân hàng TNHH CTBC là ngân hàng đại lý cho khoản vay hợp vốn của 4 ngân hàng sau: Ngân hàng Đại chúng TNHH Kasikombank, Ngân hàng The Shanghai Commercial & Savings Bank, Ltd. Chi nhánh ngân hàng nước ngoài, Ngân hàng Thương mại Entie và Ngân hàng Thương mại TNHH E.Sun.

Công ty Cổ phần Sợi Thế Kỳ

B09a-DN/HIN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU

20.1 Tình hình tăng giảm vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
						VND
Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023:						
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2022	843.638.250.000	40.824.578.872	(42.410.550.000)	1.219.011.000	697.818.768.611	1.541.090.058.483
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	39.116.311.728	39.116.311.728
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2023	843.638.250.000	40.824.578.872	(42.410.550.000)	1.219.011.000	736.935.080.339	1.580.206.370.211
Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024:						
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023	966.369.240.000	40.824.578.872	(42.410.550.000)	1.219.011.000	662.887.111.298	1.628.889.391.170
Tài phát hành cổ phiếu quỹ	-	23.633.864.980	42.410.550.000	-	-	66.044.414.980
Lỗ thuần trong kỳ	-	-	-	-	(55.012.889.145)	(55.012.889.145)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2024	966.369.240.000	64.458.443.852	-	1.219.011.000	607.874.222.153	1.639.920.917.005

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

20.2 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023
Vốn cổ phần đã góp		
Vào ngày 1 tháng 1 và ngày 30 tháng 6	<u>966.369.240.000</u>	<u>843.638.250.000</u>
Cổ tức đã công bố	-	-
Cổ tức đã trả bằng tiền	-	-

20.3 Cổ phiếu

	Ngày 30 tháng 6 năm 2024		Ngày 31 tháng 12 năm 2023	
	Số lượng	Giá trị (VND)	Số lượng	Giá trị (VND)
Cổ phiếu đăng ký phát hành	96.636.924	966.369.240.000	96.636.924	966.369.240.000
Cổ phiếu đã phát hành				
Cổ phiếu đã phát hành và được góp vốn đầy đủ	96.636.924	966.369.240.000	96.636.924	966.369.240.000
Cổ phiếu phổ thông	96.636.924	966.369.240.000	96.636.924	966.369.240.000
Cổ phiếu quỹ				
Cổ phiếu phổ thông	-	-	(2.541.650)	(42.410.550.000)
Cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	96.636.924	966.369.240.000	94.095.274	923.958.690.000

Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 VND/cổ phiếu. Các cổ đông nắm giữ cổ phiếu phổ thông của Công ty được quyền hưởng cổ tức do Công ty công bố. Mỗi cổ phiếu phổ thông thể hiện một quyền biểu quyết, không hạn chế.

21. DOANH THU

21.1 Doanh thu bán hàng

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023
Doanh thu gộp	568.991.767.044	695.195.639.493
Các khoản giảm trừ doanh thu:		
Hàng bán bị trả lại	<u>(1.800.000)</u>	<u>-</u>
Doanh thu thuần	<u>568.989.967.044</u>	<u>695.195.639.493</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

21. DOANH THU (tiếp theo)

21.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	13.250.536.620	13.585.624.623
Lãi tiền gửi	949.302.638	7.523.304.748
TỔNG CỘNG	<u>14.199.839.258</u>	<u>21.108.929.371</u>

22. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	66.760.933.278	15.506.058.879
Lãi tiền vay	8.582.927.267	8.609.376.624
TỔNG CỘNG	<u>75.343.860.545</u>	<u>24.115.435.503</u>

23. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>
Phí vận chuyển	4.175.298.796	2.232.699.774
Phí phát hành thư tín dụng và chứng từ xuất khẩu	1.690.577.400	2.351.099.948
Phí hoa hồng bán hàng	1.105.997.851	315.309.481
Khác	647.840.399	2.252.189.132
TỔNG CỘNG	<u>7.619.714.446</u>	<u>7.151.298.335</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

24. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>
Chi phí nhân viên	14.527.536.583	16.242.349.955
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.017.787.521	5.922.001.649
Chi phí phụ tùng, vật phẩm	4.687.725.135	4.677.287.924
Chi phí khấu hao	751.699.065	745.971.675
Khác	2.647.024.622	3.121.169.123
TỔNG CỘNG	<u>27.631.772.926</u>	<u>30.708.780.326</u>

25. CHI PHÍ KHÁC

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>
Khấu hao máy móc không hoạt động tại nhà máy Củ Chi	4.780.490.508	-
Khác	4.235.495	48.019.264
TỔNG CỘNG	<u>4.784.726.003</u>	<u>48.019.264</u>

26. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>
Chi phí nguyên vật liệu	375.972.765.355	440.596.218.975
Chi phí dịch vụ mua ngoài	73.695.897.657	95.174.940.923
Chi phí khấu hao (Thuyết minh số 9)	46.072.799.922	45.841.434.714
Chi phí nhân viên	45.650.370.930	55.315.682.917
Khác	15.956.974.866	17.988.585.635
TỔNG CỘNG	<u>557.348.808.730</u>	<u>654.916.863.164</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

27. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") áp dụng cho Công ty như sau:

- Đối với trụ sở Củ Chi, thuế suất thuế TNDN áp dụng là 20% thu nhập chịu thuế.
- Đối với Chi nhánh Trảng Bàng, thuế TNDN áp dụng theo từng loại sản phẩm. Cụ thể:
Thu nhập từ sản phẩm Sợi kéo duỗi hoàn toàn (FDY) và Sợi xơ dài (DTY) được miễn thuế TNDN trong bốn năm (2011 - 2014) và được giảm 50% số thuế TNDN trong chín năm tiếp theo (2015 - 2023). Thuế suất áp dụng thuế suất là 10% trong vòng 15 năm từ năm 2011.
Thu nhập từ sản phẩm FDY và DTY mở rộng được miễn thuế trong bốn năm (2016 - 2019) và giảm 50% số thuế TNDN trong chín năm tiếp theo (2020 - 2028). Thuế suất áp dụng là 10% trong vòng 15 năm từ năm 2016.
Thu nhập từ sản phẩm Sợi Polyester được định hướng trước (POY) giai đoạn 3 được miễn thuế trong hai năm (2016 - 2017) và giảm 50% số thuế TNDN trong bốn năm tiếp theo (2018 - 2021). Thuế suất áp dụng là 10% trong vòng 15 năm từ năm 2016.

Báo cáo thuế của Nhóm Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do vậy, việc áp dụng luật và các qui định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

27.1 Chi phí thuế TNDN hiện hành

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024</i>	<i>VND Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	136.396.750	2.379.972.663
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu (thừa) trong những năm trước	<u>382.797.555</u>	<u>(3.215.273.257)</u>
Tổng cộng chi phí (thu nhập) thuế TNDN hiện hành	519.194.305	(835.300.594)
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	<u>341.235.182</u>	<u>569.642.007</u>
TỔNG CỘNG	<u>860.429.487</u>	<u>(265.658.587)</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

27. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của tổng (lỗ) lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>
Tổng (lỗ) lợi nhuận kế toán trước thuế	(54.152.459.658)	38.850.653.135
Thuế TNDN theo thuế suất áp dụng cho Nhóm Công ty	(10.830.491.930)	7.770.130.627
<i>Các khoản điều chỉnh:</i>		
Các khoản chi phí không được trừ	1.821.046.010	119.861.031
Ưu đãi thuế ở Chi nhánh Trảng Bàng	(920.403.388)	(8.848.844.014)
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu (thừa) trong những kỳ trước	382.797.555	(3.215.273.257)
(Lỗ) lợi nhuận chưa thực hiện	(1.136.659.011)	3.113.877.856
Lỗ thuế chưa ghi nhận tài sản thuế TNDN hoãn lại	11.544.140.251	794.589.170
Chi phí (thu nhập) thuế TNDN	860.429.487	(265.658.587)

27.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên (lỗ tính thuế) thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. (Lỗ tính thuế) thu nhập chịu thuế của Công ty mẹ và các công ty con khác với (lỗ) lợi nhuận được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ vì (lỗ tính thuế) thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty mẹ và các công ty con được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

27. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

27.3 Thuế thu nhập hoãn lại

Nhóm Công ty đã ghi nhận một số tài sản thuế thu nhập hoãn lại với các biến động như sau:

	<i>Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ</i>		<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2024</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2023</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>
	VND			
Chi phí phải trả	1.608.005.911	2.019.826.977	(411.821.066)	(591.677.619)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	(459.362)	2.421.631	(2.880.993)	(43.207.096)
Trợ cấp thời việc phải trả	48.647.904	43.898.866	4.749.038	4.923.039
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	945.841.506	877.123.667	68.717.839	60.319.669
Tài sản thuế TNDN hoãn lại	2.602.035.959	2.943.271.141		
Chi phí thuế TNDN hoãn lại tính vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ			(341.235.182)	(569.642.007)

28. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan với Nhóm Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>
Công ty TNHH Đầu tư Thương mại Dịch vụ Hưng Lợi	Bên liên quan do thành viên HĐQT của Công ty đầu tư
Công ty TNHH P.A.N Châu Á	Bên liên quan do thành viên HĐQT của Công ty đầu tư

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

28. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị ("HĐQT"), Ban Kiểm soát ("BKS") và Ban Tổng Giám đốc như sau:

Tên	Chức vụ	VND	
		Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023
Bà Đặng Mỹ Linh	Chủ tịch HĐQT	75.000.000	75.000.000
Ông Đặng Triệu Hòa	Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	758.800.000	758.800.000
Ông Đặng Hướng Cường	Thành viên HĐQT	75.000.000	75.000.000
Ông Chen Che Jen	Thành viên HĐQT độc lập	112.500.000	112.500.000
Bà Cao Thị Quế Anh	Thành viên HĐQT	75.000.000	75.000.000
Ông Võ Quang Long	Thành viên HĐQT	75.000.000	75.000.000
Ông Nguyễn Quốc Hương	Thành viên HĐQT độc lập	112.500.000	112.500.000
Ông Nguyễn Tự Lực	Trưởng BKS	30.000.000	30.000.000
Bà Hà Kiệt Trân	Thành viên BKS từ ngày 30 tháng 3 năm 2023	30.000.000	30.000.000
Bà Đinh Ngọc Hoa	Thành viên ban kiểm soát	124.783.910	137.748.325
Bà Nguyễn Phương Chi	Giám đốc Phát triển Chiến lược	785.339.441	700.603.506
Ông Phan Như Bích	Giám đốc Tài chính kiêm Kế toán trưởng	458.626.223	403.572.451
TỔNG CỘNG		2.712.549.574	2.585.724.282

29. (LỖ) LÃI TRÊN CỔ PHIẾU

Nhóm Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu:

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023
(Lỗ) lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông sau khi đã điều chỉnh cho các yếu tố suy giảm	(55.012.889.145)	39.116.311.728
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (i)	94.968.551	94.095.274
(Lỗ) lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu (mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu)	(579)	416

(i) Số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 đã được điều chỉnh để phản ánh việc bán 1.041.650 cổ phiếu quỹ cho nhân viên vào ngày 30 tháng 3 năm 2024 và bán 1.500.000 cổ phiếu quỹ ra công chúng vào ngày 5 tháng 6 năm 2024.

Không có cổ phiếu phổ thông có tác động suy giảm trong kỳ và đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

30. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Nhóm Công ty hiện đang thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động với các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả trong tương lai được trình bày như sau:

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Dưới 1 năm	2.438.293.080	1.961.680.720
Từ 1 đến 5 năm	2.152.938.700	2.364.405.800
Trên 5 năm	8.700.978.249	8.884.960.020
TỔNG CỘNG	13.292.210.029	13.211.046.540

31. CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Ngoại tệ: Đô la Mỹ (USD)	<u>81.481</u>	<u>74.162</u>

32. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Vào ngày 12 tháng 8 năm 2024, Hội đồng Quản trị ("HĐQT") của Công ty đã thông qua Nghị quyết số 18-2024/NQHĐQT triển khai việc tăng vốn vào Công ty TNHH Sợi, Dệt nhuộm Unitex ("Unitex") với số tiền góp vốn tăng thêm là 122.000.000.000 VND. Tại ngày của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Công ty đang trong quá trình hoàn tất các thủ tục để hoàn tất giao dịch này.

Đồng thời, vào ngày 13 tháng 8 năm 2024, HĐQT của Công ty đã thông qua Nghị quyết số 19-2024/NQHĐQT triển khai Phương án chào bán cổ phiếu riêng lẻ với số lượng cổ phiếu dự kiến chào bán là 13.500.000 cổ phần với giá trị phát hành không thấp hơn 27.500 VND/cổ phiếu phù hợp với Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 số 03-2022/NQ-ĐHĐCĐ/TK ngày 31 tháng 3 năm 2022. Số tiền thu được từ chào bán cổ phiếu riêng lẻ được sử dụng để góp vốn vào Unitex và bổ sung nguồn vốn lưu động của Công ty. Tại ngày của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Công ty đang trong quá trình hoàn tất các thủ tục để hoàn tất giao dịch này.

Ngoài các sự kiện nêu trên, không có sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty.

		
_____ Người lập Nguyễn Thị Hồng Thắm	_____ Kế toán trưởng Phan Như Bích	_____ Tổng Giám đốc Đặng Triệu Hòa



Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 28 tháng 8 năm 2024